

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 471/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1978; địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ liên hệ: D10.1 M8 Midtown, khu phố 6, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1985; địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Tạm trú: D10.1 M8 Midtown, khu phố 6, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Quốc D và bà Nguyễn Thị Thu T qua thời gian tìm hiểu được một thời gian thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2003 (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh V ngày 23/01/2003).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian mấy năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và không thể hàn gắn được. Mặc dù ông bà đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Cả hai đã sống ly thân bắt đầu từ năm 2019 đến nay.

Ông bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tiếp tục quan hệ hôn nhân cũng không mang đến hạnh phúc nên ông và bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và không trái pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Quốc D và bà Nguyễn Thị Thu T có 02 con chung là trẻ Nguyễn Tâm U, sinh ngày 03/5/2006 và trẻ Nguyễn Tâm N, sinh ngày 26/8/2014. Sau khi ly hôn cả hai quyết định giao con chung cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và không trái pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Quốc D và bà Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và không trái pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

[4] - Về nợ chung: Ông Nguyễn Quốc D và bà Nguyễn Thị Thu T xác nhận không có nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí: Ông Nguyễn Quốc D và bà Nguyễn Thị Thu T chịu lệ phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc D và bà Nguyễn Thị Thu T thuận tình ly hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 23/01/2003).

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn Quốc D và bà Nguyễn Thị Thu T có 02 con chung là trẻ Nguyễn Tâm U, sinh ngày 03/5/2006 và trẻ Nguyễn Tâm N, sinh ngày 26/8/2014. Sau khi ly hôn, giao con chung cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Dũng có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác

1.3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Quốc D và bà Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Ông Nguyễn Quốc D và bà Nguyễn Thị Thu T xác nhận không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2021/0014715 ngày 06/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (TK.Đức).

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Diễm Phương